

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 17 /2023/HNGĐ-ST.
Ngày 28 tháng 02 năm 2023.
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Linh và bà Nguyễn Thị Thúy H.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Hiên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu S, xã M, huyện C, tỉnh P.

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Khu X, xã P, huyện C, tỉnh P.

(Chị H xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Chị và anh Phan Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2017 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung; Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Phan Văn H:* Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2023, bà Bùi Thị T (mẹ đẻ anh H) trình bày:* Anh H là con trai bà, chị H là con dâu. Anh H và chị H được tự nguyện đăng ký

kết hôn ngày 29/12/2017 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh P. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở xã Mở từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh H nữa, anh chị ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Việc chị H xin ly hôn, anh H biết rõ nhưng anh H bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được. Anh H có nói với bà nếu chị H làm đơn xin ly hôn thì anh H nhất trí. Nay bà cũng có quan điểm do thực tế anh chị không còn chung sống với nhau từ lâu nên chị H xin ly hôn anh H thì bà cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã P ngày 10/01/2023 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh H và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2017 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh P. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng nên chung sống không hạnh phúc. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở xã Mở từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh H nữa, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phan Văn H.

Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại khu Xuân Trường, xã Phương Vĩ, huyện C, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh P.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H Tòa án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh H và chị H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh P cho đăng ký kết hôn ngày 29/12/2017 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Phía bị đơn anh H Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh H có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bà Bùi Thị Thắm (mẹ đẻ anh H) cũng xác nhận chị H anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, xảy ra cãi vã, anh chị không có tiếng nói chung. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh H và chị H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ năm 2019 đến nay không quay lại chung sống cùng anh H nữa, vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh H và chị H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung; Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phan Văn H.

[2]. Về con chung; Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0008076 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh P.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền